

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

Môn: Ngữ văn 9

Năm học: 2024-2025

Thời gian làm bài: 120 phút

A. MA TRẬN

STT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức/ Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc	- Văn bản nghị luận	2	2	3	40
2	Viết	- Viết đoạn văn nghị luận xã hội	1*	1*	1*	20
		- Viết bài văn nghị luận văn học	1*	1*	1*	40
		Tổng	20%	40%	40%	100
		Tỉ lệ chung	60%		40%	100%

B. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
I	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được kiểu văn bản - Nhận biết được luận đề của văn bản <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tác dụng của phép liên kết - Nhận xét, đánh giá về nội dung thông qua câu nói. <p>Vận dụng: Quan điểm về “Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế sự phát triển của mỗi người”? Vì sao?</p>	2	2	1
II	Viết	- NLXH	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài: viết đoạn văn nghị luận xã hội - Xác định được cấu trúc, bố cục của đoạn văn: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vấn đề cần nghị luận. - Xác định được những lí lẽ, dẫn chứng cần triển khai - Phân tích và sắp xếp lí lẽ và dẫn chứng hợp lí. - Đánh giá được vấn đề cần được giải quyết trong đời sống. - Vận dụng kĩ năng sống của bản thân vào giải quyết vấn đề. <p>Vận dụng:</p>			1*

		<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các thao tác lập luận để viết bài - Liên hệ với thực tiễn cuộc sống để giải quyết vấn đề. 			
	- NLVH	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu bài: viết bài văn nghị luận văn học - Xác định được cấu trúc, bố cục của bài văn NLVH: Mở bài, thân bài, kết bài <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vấn đề cần nghị luận. - Xác định được những lí lẽ, dẫn chứng cần triển khai - Phân tích và sắp xếp lí lẽ và dẫn chứng hợp lí. - Đánh giá được nội dung, nghệ thuật của đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện ngắn. - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để phân tích truyện ngắn. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 			1*
Tổng			2	2	3
Tỉ lệ %			20	40	40
Tỉ lệ chung			60		40

C. ĐỀ THI VÀO 10

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm). Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Đố kị nghĩa là bực tức, khó chịu trước những may mắn và thành công của người khác. Trong khi người thành công luôn nhìn thấy và học hỏi những đức tính tốt đẹp của người khác thì kẻ thất bại lại không làm được điều đó. Họ không muốn nhắc đến thành công của người khác, đồng thời luôn tìm cách chê bai, hạ thấp họ. Họ để mặc cho lòng tự hiềm, thói ganh tỵ, cảm giác tự ti gặm nhấm tâm trí ngày qua ngày.

Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế sự phát triển của mỗi người. Thói đố kị khiến chúng ta lãng phí thời gian và không thể tận dụng hết năng lực để đạt được điều mình mong muốn. Ganh tỵ với sự thành công của người khác sẽ khiến chúng ta đánh mất cơ hội thành công của chính mình.

(George Matthew Adams, Không gì là không thể, Thu Hằng dịch, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2017, tr.44)

Câu 1. Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản gì?

Câu 2. Xác định luận đề của đoạn trích trên?

Câu 3. Tìm và nêu tác dụng của một phép liên kết được thực hiện trong đoạn văn: “Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế sự phát triển của mỗi người. Thói đố kị khiến chúng ta lãng phí thời gian và không thể tận dụng hết năng lực để đạt được điều mình mong muốn.”

Câu 4. Theo em, vì sao người có tính đố kị thường “không muốn nhắc đến thành công của người khác”?

Câu 5. Em có đồng ý với ý kiến: “Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế sự phát triển của mỗi người” không? Vì sao?

II. VIẾT: 6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Từ nội dung đoạn trích phần Đọc - hiểu, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp của lối sống không có sự đố kị.

Câu 2. (4,0 điểm) Phân tích truyện ngắn “Đôi tai của tâm hồn”

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bản, vừa cũ lại vừa rộng nữa.

Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

“Cháu hát hay quá!”. Một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi.

Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay nói lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!”. Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.

Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. “Cụ già ấy đã qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay” – một người trong công viên nói với cô. Cô gái sửng người. Một cụ già ngày ngày vẫn chăm chú lắng nghe và khen cô hát lại là một người không có khả năng nghe?

(Hoàng Phương)

-----Hết-----

D. HƯỚNG DẪN CHẤM

Yêu cầu kiến thức – kĩ năng		Điểm
Câu	I. ĐỌC HIỂU	4,00
1	Kiểu văn bản nghị luận	0,5
2	Lối sống không có sự đố kị	0,5
3	+ Phép liên kết: phép lặp + Từ ngữ thực hiện phép lặp: đố kị + Tác dụng: -Giúp lời văn có tính liên kết logic và mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn. -Làm nổi bật ý và tác giả muốn nhấn mạnh con người đừng nên sống đố kị	1,0
4	Người có tính đố kị thường “ <i>không muốn nhắc đến thành công của người khác</i> ” vì: + Họ không chịu thừa nhận thành công của người khác + Họ không muốn người khác thành công hơn mình	0,5 0,5
5	Gợi ý: Đồng ý - Vì: + Đố kị khiến con người nảy sinh những cảm xúc tiêu cực như giận giữ, thù ghét đối với người khác; gây chán nản, thất vọng về bản thân; do đó, dẫn đến sự mệt mỏi. + Đố kị khiến con người luôn bận tâm đến cuộc sống của người khác, sự thành đạt của người khác mà đánh mất thời gian, cơ hội để tập trung cho sự nghiệp, công việc của bản thân mình.	0,5 0,5
	II. Viết:	
Câu 1	Từ nội dung đoạn trích phần Đọc - hiểu, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về <i>vẻ đẹp của lối sống không có sự đố kị</i> .	2,0

	<p>a. Đảm bảo hình thức của đoạn văn theo yêu cầu của đề; nội dung bàn luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.</p> <p>b. Triển khai vấn đề nghị luận, đảm bảo được một số nội dung cơ bản sau:</p> <p>*MD: Dẫn dắt giới thiệu vấn đề cần nghị luận</p> <p>*TD:</p> <p>- Giải thích</p> <p>+ Đố kị nghĩa là bực tức, khó chịu là sự ghen ghét, không công nhận, thậm chí có suy nghĩ, hành động bài trừ đối với những thành tựu của người khác.</p> <p>+ Lối sống không đố kị là lối sống đẹp, lành mạnh, phong phú; sống theo đạo lý con người, lối sống vui vẻ, hạnh phúc</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Sống văn minh, khoan dung, yêu thương và quan tâm đến mọi người</p> <p>+ Luôn lạc quan yêu đời, sống đúng lương tâm, không đi ngược đạo lý làm người.</p> <p>-Ý nghĩa của lối sống không đố kị: Được mọi người yêu quý, cảm thấy thoải mái, sống gần gũi nhau, giúp cuộc sống và xã hội tốt đẹp hơn.</p> <p>- Dẫn chứng:</p> <p>-Bài học nhận thức và hành động</p> <p>+Thói ghen ghét, đố kị làm cho con người trở nên ti tiện, nhỏ nhen, tầm thường, ích kỷ, tự hạ thấp giá trị bản thân mình và từ đó sẽ bị mọi người coi thường, xa lánh, ghét bỏ.</p> <p>+ Đố kị là một thói xấu bạn cần phải loại bỏ ra khỏi bản thân để con người trở nên cao thượng. Phải biết thi đua, cạnh tranh lành mạnh, vượt qua khó khăn để đạt được thành công .</p> <p>KĐ:-Khẳng định về đẹp, ý nghĩa của lối sống không đố kị</p>	<p>0,25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p>
	<p>c. Chính tả, dùng từ, đặt câu</p> <p>Đảm bảo chuẩn về chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>d. Sáng tạo: thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục</p>	0,25
Câu 2	Phân tích truyện ngắn “Đôi tai của tâm hồn”	4,0đ
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc 3 phần của bài văn nghị luận văn học: <i>Mở bài</i> giới thiệu được vấn đề nghị luận; <i>Thân bài</i> triển khai được các luận điểm; <i>Kết bài</i> khái quát, gợi mở được vấn đề.</p>	
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, biết trích dẫn và phân tích dẫn chứng để luận điểm có sức thuyết phục, bài viết có cảm xúc, rung động chân thực...</p>	

	<p><i>HS có thể trình bày theo nhiều cách. Dưới đây là một phương án triển khai:</i></p> <p>1. MB: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhân đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm. Nêu cảm nhận chung của em về truyện ngắn.</p> <p>2.TB:Nêu chủ đề và phân tích các biểu hiện làm rõ chủ đề của tác phẩm: - Nêu đề tài và những nét đặc sắc của cốt truyện trong việc làm sáng tỏ chủ đề.</p> <p>*Tóm tắt ngắn gọn nội dung cốt truyện: Truyện kể về cuộc gặp gỡ giữa cô bé và ông lão trong công viên. Khi nghe cô hát, ông lão đã bị thu hút bởi giọng hát trong trẻo, đầy cảm xúc của cô bé ông lão đã động viên và giúp đỡ cô bé bằng cách hằng ngày lắng nghe cô hát bằng cảm nhận của cả trái tim . Nhờ sự cổ vũ của ông lão, cô bé đã dần hoàn thiện khả năng ca hát và trở thành một ca sĩ nổi tiếng.</p> <p>* Phân tích chủ đề của truyện: Truyện ngắn “ Đôi tai của tâm hồn” đã đề cao giá trị của lòng nhân ái, sự đồng cảm và vẻ đẹp tâm hồn cả những con người bình dị.</p> <p>- Lòng nhân ái: Ông lão đã thể hiện lòng nhân ái khi giúp đỡ cô bé mồ côi, có hoàn cảnh khó khăn. Ông đã không ngại dành thời gian và công sức để cổ vũ cô bé.</p> <p>- Sự đồng cảm: Ông lão đã đồng cảm với hoàn cảnh và nỗi khổ của cô bé. Ông hiểu được khao khát được hát của cô bé và đã giúp đỡ cô bé theo đuổi ước mơ.</p> <p>- Vẻ đẹp tâm hồn: cô bé có nghị lực phi thường và một tâm hồn trong sáng, lạc quan, cô bé gặp hoàn cảnh khó khăn luôn yêu đời và khao khát được hát. Ông lão là một người già hiền từ, tốt bụng, luôn sẵn sàng giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>* Phân tích nhân vật:</p> <p>- Nhân vật Cô bé: Là một cô bé mồ côi, sống lang thang, thiếu thốn tình thương, có tài năng ca hát nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, ăn mặc rách rưới nên không được tham gia vào dàn đồng ca. Mặc dù vậy, cô bé vẫn luôn lạc quan, yêu đời và khát khao được hát.(<i>HS triển khai thành các ý và lấy dẫn chứng để phân tích chứng minh</i>)</p> <p>-> Đánh giá khái quát về nhân vật cô bé</p> <p>-Nhân vật Ông lão: Là một người già hiền từ, tốt bụng, bị khiếm thính nhưng có một trái tim nhân hậu. Ông đã cổ vũ đề tài năng của cô bé và giúp đỡ cô bé theo đuổi ước mơ âm nhạc. .(<i>HS triển khai thành các ý và lấy dẫn chứng để phân tích chứng minh</i>)</p> <p>-> Đánh giá khái quát về nhân vật ông lão</p> <p>*Phân tích những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện:</p> <p>-Nhân vật được xây dựng sinh động có tính cách riêng.</p> <p>- Cốt truyện đơn tuyến, kết cấu ngắn gọn, tình tiết, sự việc đời thường gần gũi, tạo được tình huống bất ngờ khơi gợi trong lòng người đọc nhiều cảm xúc và suy ngẫm, ý nghĩa sâu sắc.</p>	<p></p> <p>0,25</p> <p></p> <p>1,0</p> <p>1</p> <p>0,75</p>
--	---	---

	<p>- Ngôi kể, ngôn ngữ giản dị dễ hiểu, giàu sức gợi.</p> <p>-Nghệ thuật đối lập: Làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của cô bé và ông lão.</p> <p>*Đánh giá: Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện: Tình cảm, suy nghĩ về thông điệp, bài học thấm thía mà tác giả gửi gắm trong câu truyện.</p> <p>3.KB: Khẳng định giá trị và ý nghĩa của truyện, liên hệ, mở rộng.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p><i>d. Sáng tạo:</i> cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận</p>	<p>0.25</p>
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	<p>0.25</p>

----- HẾT -----